



BẢNG GIÁ HÀNG SALE

- Truy cập website THAK để biết thêm về:
Chương trình Sale - Sản phẩm mới - Lịch về hàng
- Đặt hàng tại: Website THAK hoặc inbox Fanpage [CHỢ SỦ THAK](https://www.facebook.com/CHỢ_SỦ_THAK)



SALE



Bột bánh canh 250g
バインカンの粉
50袋/カートン
1個口: 2カートンミックス

賞味期限: 2027/05/05

~~210~~ **180円(税込)/袋**

SALE



Bột gạo 400g
米粉
22袋/カートン
1個口: 3カートンミックス

賞味期限: 2027/06/13

~~310~~ **305円(税込)/袋**

SALE



Mì Hảo Hảo
tôm chua cay 75g
ハオハオトムチュアカイ
30袋/カートン
1個口: 10カートンミックス

賞味期限: 2027/04/11

~~1,690~~ **1,590円(税込) / カートン**

SALE



Mực Bento đỏ 4g
(vị ngọt cay)
ベント、スクイード
& スパイシー味
13袋/パック
24パック/カートン
1個口: 4カートンミックス

賞味期限: 2026/11/18

~~335~~ **98円(税込)/パック**

SALE



Cung Đình KOOL Mì Trộn Spaghetti 105g
Cung Đình Koolクール炒め
インスタント麺
(スパゲッティ味)
30袋/カートン
1個口: 8カートンミックス

賞味期限: 2026/12/23

~~2,600~~ **1,800円(税込)/カートン**

SALE



Cung Đình Phở Trộn Xốt Tương Đen 80g
Cung Đình Kool 香港風混ぜビーフン
12袋/カートン
1個口: 6カートンミックス

賞味期限: 2026/12/23

~~2,100~~ **1,500円(税込)/カートン**

SALE



Mực Bento xanh nõn 4g
(vị chua cay)
ベント、スーパースパイシーシーフード味
13袋/パック
24パック/カートン
1個口: 4カートンミックス

賞味期限: 2026/11/18

~~335~~ **98円(税込)/パック**

SALE



Mực Bento vàng 4g
(vị cay nhẹ)
ベント、ラブ味
13袋/パック
24パック/カートン
1個口: 4カートンミックス

賞味期限: 2026/11/18

~~335~~ **98円(税込)/パック**

SALE



Mực Bento cam 4g
(vị cay nguyên bản)
ベント、ナンブリック
タイオリジナル味
13袋/パック
24パック/カートン
1個口: 4カートンミックス

賞味期限: 2026/11/18

~~335~~ **98円(税込)/パック**

SALE



Tương ớt Thái nhỏ 230g
チリソース

ซอสพริก

24本/カートン

1個口: 2カートンミックス

賞味期限: 2027/05/07

198 **180円(税込)/本**

SALE



Cải muối 140g

ケムチャイ

ผักกาดดองเค็ม

48本/カートン

1個口: 2カートンミックス

賞味期限: 2028/01/30

178 **168円(税込)/本**

SALE



Nước lựu Thái 350ml

ザクロドリンク

น้ำทับทิม

24本/カートン

1個口: 2カートンミックス

賞味期限: 2026/10/29

192 **150円(税込)/本**

SALE



Chao đỏ 300g

紅豆腐

เต้าหู้ยี้

24本/カートン

1個口: 2カートンミックス

賞味期限: 2026/10/22

545 **450円(税込)/本**

GIÁ TỐT



Khoai mì xay sẵn túi 1kg

冷凍挽きキャッサバ

730y/kg

SALE



Hạt mắc khén

マックケン

(ベトナム山椒)

1個口: 20kgミックス

4,650 **3,550円(税込)/kg**

SALE



Đinh hương

クローブ (原)

1個口: 20kgミックス

3,600 **2,980円(税込)/kg**



SALE

Tổ ong/ Sách dê
ヤギの胃腸

800 660y/kg



SALE

Vịt CP 1,6~1,7kg
アヒル (ダック)

1,205 1,190y/con



SALE

Vịt CP nửa con
アヒル (ダック)

660 655y/túi



SALE

Bắp heo có da xương - Nguyên thùng
皮・骨付き豚スネ

710 630y/kg



SALE

Bắp heo có da xương cắt khoanh - CK
皮・骨付き豚スネ (スライス)

830 710y/kg



SALE

Bắp heo có da xương cắt khoanh
皮・骨付き豚スネ (スライス)

800 680y/kg



SALE

Cốt lết không xương nguyên tảng
豚ロース (骨なし)

870 840y/kg



SALE

Cá lóc làm sạch nguyên con (có đầu)
ライギョ魚

860 398y/kg



SALE

Cá thu phi lê đóng khay
さわらフィレー

2,510 1,500y/kg

SALE



Lòng non sạch cuống túi thường
脂肪抜き豚小腸

~~660~~ **620y/kg**

SALE



Bao tử túi CK 1~1,5kg
豚ガツ

~~600~~ **480y/kg**

SALE



Bao tử nguyên thùng
豚ガツ

~~530~~ **450y/kg**

SALE



Gân mỡ bắp bò - CK ~1kg
牛すね肉のスジと脂

~~450~~ **400y/kg**

SALE



Tim bò nguyên thùng
牛ハツ (ぎゅうハツ)

~~890~~ **820y/kg**

SALE



Ba chỉ bò - Túi CK
牛バラ

~~1,060~~ **960y/kg**

PHÍ SHIP KHI MUA HÀNG ĐỦ KIẾN

Quý khách mua đủ kiện hoặc ghép đủ kiện sẽ được áp dụng bao ship/miễn ship theo quy như sau:

Vùng/Tỉnh	Phí ship/kiện	
	Hàng thường	Đông/mát
Vùng Chubu Niigata, Toyama, Ishikawa, Fukui, Yamanashi, Nagano, Gifu, Shizuoka, Aichi	Miễn phí	Miễn phí
Vùng Kansai Mie, Shiga, Kyoto, Osaka, Hyogo, Nara, Wakayama		
Vùng Kanto Ibaraki, Tochigi, Gunma, Saitama, Chiba, Tokyo, Kanagawa		
Vùng Chugoku Tottori, Shimane, Okayama, Hiroshima, Yamaguchi	Miễn phí	Phụ ship: 230円
Vùng Shikoku Tokushima, Kagawa, Ehime, Kochi		
Vùng Tohoku (1): Miyagi, Yamagata, Fukushima		
Vùng Tohoku (2): Aomori, Iwate, Akita	Miễn phí	Phụ ship: 380円
Vùng Kyushu (1): Kumamoto, Miyazaki, Kagoshima		
Vùng Kyushu (2): Fukuoka, Saga, Nagasaki, Oita	Miễn phí	Phụ ship: 345円
Hokkaido	Phụ ship: 500円	Phụ ship: 1,500円

PHÍ SHIP KHI MUA HÀNG KHÔNG ĐỦ KIẾN

Vùng/Tỉnh	Phí ship/kiện	
	Hàng thường	Đông/mát
Hokkaido	2,000円	3,500円
Các tỉnh còn lại (trừ Okinawa)	1,500円	2,500円

HÌNH THỨC THANH TOÁN: Thanh toán bằng 1 trong 2 hình thức sau:

1. Thanh toán khi nhận hàng (Daibiki)

Tổng tiền thu hộ/Daibiki	Mức Phí
< 10,000	330
< 30,000	440
< 100,000	660
< 300,000	1,100
≥ 300,000	Chỉ chấp nhận thanh toán chuyển khoản

2. Chuyển khoản trước vào tài khoản sau:

静岡銀行（Shizuoka）
浜松営業支店（Hamamatsu）
普通：1678352 ティーエイチエーケー（カ）

条件付き購入時の送料

条件を満たす場合、または条件を満たすように同梱された場合は、以下の規定に従って送料無料または送料割引が適用されます。

県名	配送料／箱	
	常温	冷蔵・冷凍
中部地方 新潟・富山・石川・福井・山梨・長野・岐阜・静岡・愛知	送料無料	送料無料
関西地方 三重・滋賀・京都・大阪・兵庫・奈良・和歌山		
関東地方 茨城・栃木・群馬・埼玉・千葉・東京・神奈川		
中国地方 鳥取・島根・岡山・広島・山口	送料無料	追加送料: 230円
四国地方 徳島・香川・愛媛・高知		
東北地方（1）： 宮城・山形・福島		
東北地方（2）： 青森・岩手・秋田	送料無料	追加送料: 380円
九州地方（1）： 熊本・宮崎・鹿児島		
九州地方（2）： 福岡・佐賀・長崎・大分	送料無料	追加送料: 345円
北海道	追加送料: 500円	追加送料: 1,500円

条件付き購入時の送料

県名	配送料／箱	
	常温	冷蔵・冷凍
北海道	2,000円	3,500円
その他の地域（沖縄を除く）	1,500円	2,500円

お支払い方法：以下の2つの方法のいずれかでお支払いください。

1. 代金引換（daibiki）の場合、代引き手数料は以下の通りです。

代引金額（daibiki）	手数料
< 10,000	330
< 30,000	440
< 100,000	660
< 300,000	1,100
≥ 300,000	銀行振込前払いのみ対応

2. 下記の口座に前払いでお振込みください。

静岡銀行（Shizuoka） 浜松営業支店（Hamamatsu） 普通：1678352 ティーエイチエーケー（カ）
